

Số: 163 /BC-UBND

Bình Định, ngày 28 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính
trong tháng 8 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 5319/UBND-KSTT ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc rà soát, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ.

Căn cứ Đề cương báo cáo hằng tháng về kết quả thực hiện các nội dung theo Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ (gửi kèm theo Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính từ ngày 26 tháng 7 năm 2023 đến ngày 22 tháng 8 năm 2023 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về cải cách việc quy định thủ tục hành chính

1.1. Kết quả đánh giá tác động và thẩm định thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính

- Đã đánh giá tác động đối với thủ tục hành chính quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: **0**

- Đã thẩm định đối với thủ tục hành chính quy định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó:

+ Cơ quan thẩm định đã kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: **0**

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu đề bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: **0**.

1.2. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính

- Kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Số lượng thủ tục hành chính nội bộ đã công bố: các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh đã thực hiện rà soát, thống kê và tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2023 công bố 18 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định.

+ Theo Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), tiến độ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của tỉnh sẽ hoàn thành đối với 50% số lượng trước ngày 01/01/2024 và hoàn thành đối với 50% số lượng còn lại trước ngày 01/01/2025.

1.3. Tổng số thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ:

Số lượng thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung 27 TTHC (căn cứ pháp lý đề công bố sửa đổi Danh mục thủ tục hành chính: *Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 07 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định* và 04 Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính¹).

2. Về cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính

2.1. Kết quả công khai, minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính

Theo kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong tháng 8/2023:

Điểm trung bình nhóm chỉ số công bố, công khai đạt 16,4/18 điểm:

+ Tỷ lệ công bố thủ tục đúng hạn đạt 48.89%, tỷ lệ thủ tục hành chính công khai, cập nhật đúng hạn đạt 48.89%.

+ Số thủ tục hành chính được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành đạt 100%.

+ Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó hồ sơ đã đồng bộ 344.059 (đạt 98,25%), hồ sơ chưa đồng bộ 6.122 (đạt 1,75%).

2.2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là: 48.063 hồ sơ; trong đó, số mới tiếp nhận: 39.689 hồ sơ (trực tuyến: 17.694 hồ sơ; trực

¹ Quyết định số 2886/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính liên thông sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp; Quyết định số 3065/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích: 21.995 hồ sơ), số từ kỳ trước chuyển qua: 8.374 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 38.756 hồ sơ; trong đó, trước hạn: 36.465 hồ sơ, đúng hạn: 2.260 hồ sơ, trễ hạn: 31 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 9.307 hồ sơ; trong đó, trong hạn: 9.268 hồ sơ, quá hạn: 39 hồ sơ.

2.3. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

+ Ban hành Công văn số 5716/UBND-KSTT ngày 11 tháng 8 năm 2023 chỉ đạo việc rà soát, đẩy nhanh tiến độ triển khai nhập dữ liệu hộ tịch từ sổ hộ tịch trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh.

+ Ban hành Công văn số 5640/UBND-KSTT ngày 09 tháng 8 năm 2023 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Ban hành Công văn số 5177/UBND-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 triển khai thực hiện “02 nhóm thủ tục liên thông khai sinh, khai tử” theo Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Công văn số 5197/VPCP-KSTT ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

+ Ban hành Công văn số 6061/UBND-KSTT ngày 23 tháng 8 năm 2023 cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ. Theo đó, đề nghị Trường Đại học Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Y tế Bình Định, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định và Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định khẩn trương phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các công việc còn lại đảm bảo chính thức triển khai cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến các khoản tiền phí phải thu của đơn vị trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh ngay trong tháng 9 năm 2023. Đồng thời, giao Sở Y tế làm đầu mối, chủ động phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện các công việc cần thiết đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến tiền viện phí của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn và Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh trong tháng 10 năm 2023.

- Tính đến thời điểm ngày 22 tháng 8 năm 2023, toàn tỉnh hiện có 1.343/2.045 thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến toàn trình và một phần (đạt 65,67%); đồng thời, thực hiện việc tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

- Trong tháng 8 năm 2023, số lượng hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến là 17.694/39.689 đạt tỷ lệ 44.58% (tăng 0.83%). Các cơ quan, đơn

vị, địa phương **triển khai thực hiện hiệu quả** bao gồm các Sở: Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Du lịch, Y tế, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông, Ngoại vụ, Tài chính, Khoa học và Công nghệ có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh đạt tỷ lệ 100%. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ và thị xã Hoài Nhơn có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh đạt tỷ lệ trên 50% (*Phụ lục 1 kèm theo*).

- Thực hiện Dịch vụ “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” và sử dụng lại kết quả bản sao chứng thực điện tử để thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại các cơ quan, đơn vị, địa phương từng bước có sự chuyển biến. Theo đó, trong tháng 8 năm 2023, Phòng Tư pháp cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 10.342 hồ sơ chứng thực điện tử; trong đó, đã hoàn thành 9.780 hồ sơ. Các địa phương đi đầu, tích cực trong việc triển khai dịch vụ “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính”, bao gồm: thành phố Quy Nhơn (5.620 bản), thị xã Hoài Nhơn (1.006 bản) và huyện Tuy Phước (864 bản) (*Phụ lục 2 kèm theo*).

- Dịch vụ thanh toán trực tuyến **phí, lệ phí** giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện. Trong tháng 8 năm 2023, tổng số giao dịch thanh toán là 23.672 giao dịch (tăng 4.420 giao dịch). Các cơ quan, đơn vị, địa phương **triển khai thực hiện hiệu quả** bao gồm các Sở: Giao thông vận tải, Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Lao động – Thương binh và Xã hội, Văn hóa và Thể thao, Khoa học và Công nghệ thực hiện thanh toán trực tuyến tỷ lệ hồ sơ phát sinh giao dịch đạt 100%; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, bao gồm: An Lão, An Nhơn, Vân Canh và các xã, phường, thị trấn của An Nhơn, Hoài Nhơn, Tuy Phước là những địa phương **triển khai thực hiện có hiệu quả** (*Phụ lục 3 kèm theo*).

2.4. Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch và văn bản triển khai, hướng dẫn công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại các sở, ngành, địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả thực hiện trong tháng 8 năm 2023 như sau:

+ Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh đạt 80,2%, trong đó cấp tỉnh đạt 96,6% (tăng 17,8% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 76,4% (tăng 15,1% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 67,7% (tăng 5,8% so với cùng kỳ tháng trước).

+ Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh đạt 63,9%, trong đó cấp tỉnh đạt 68,3% (tăng 25,1% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 50,4% (tăng 8,6% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 73% (tăng 8,8% so với cùng kỳ tháng trước);

+ Tỷ lệ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bình quân của cả tỉnh đạt 94,6% (tăng 9,6% so với cùng kỳ tháng trước), trong đó cấp tỉnh đạt 94,4%

(tăng 29,5% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 96,7% (tăng 2,3% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 93,1% (tăng 4,9% so với cùng kỳ tháng trước).

2.5. Kết quả hợp nhất, kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính

Cổng Dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh đã hợp nhất từ năm 2019, hoàn thành kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và 12 hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu khác (đã báo cáo Văn phòng Chính phủ tại Báo cáo số 142/BC-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023).

3. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 20; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 17; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 3.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định kinh doanh theo mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến tiếp tục được duy trì và thực hiện có hiệu quả.

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc 02 dịch vụ công liên thông “Khai sinh, khai tử”.

- Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tiếp tục có sự chuyển biến và tăng so với cùng kỳ tháng 7 năm 2023, cụ thể: hồ sơ trực tuyến tăng 0,83%, thanh toán trực tuyến tăng 4.420 giao dịch, số hoá hồ sơ (cấp tỉnh tăng 17,8%, cấp huyện tăng 15,1%, cấp xã tăng 5,8%), cấp kết quả điện tử (cấp tỉnh tăng 25,1%, cấp huyện tăng 8,6%, cấp xã tăng 8,8%), khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (cấp tỉnh tăng 9,6%, cấp huyện tăng 2,3% và cấp xã tăng 4,9%).

2. Tồn tại, hạn chế

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chủ động trong việc rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền đơn giản hóa thủ tục hành chính do ngành mình quản lý để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người dân, doanh nghiệp.

- Các cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên theo dõi, cập nhật thủ tục hành chính đã được Bộ, ngành Trung ương công bố, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Một số cơ quan, đơn vị địa phương chưa quan tâm thực hiện quy định chế độ thông tin, báo cáo công tác cải cách thủ tục hành chính trong tháng 8 năm 2023 theo quy định².

- Hiện nay, còn nhiều thủ tục hành chính theo quy định pháp luật chuyên ngành cần nộp hồ sơ giấy để lưu trữ, việc này làm ảnh hưởng đến công tác đánh giá, cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

Ví dụ: theo khoản 1, Điều 14 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định: các thủ tục hành chính: “Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã”, “Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã”, “Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã”...có thể gửi hồ sơ đăng ký qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan đăng ký hợp tác xã nhưng phải **nộp hồ sơ bằng văn bản** khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký **để đối chiếu và lưu hồ sơ**, việc này làm ảnh hưởng đến quá trình đánh giá, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại địa phương.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THÁNG 9/2023

Tiếp tục rà soát, triển khai các nhiệm vụ còn lại theo Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh trong năm 2023 (ban hành theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh); Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Bình Định năm 2023 và Công văn số 6958/UBND-KSTT ngày 21 tháng 11 năm 2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện thí điểm việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

2. Ban hành Kế hoạch triển khai mô hình “Hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp” và văn bản hướng dẫn triển khai mô hình “Hành chính thân thiện, đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp”.

3. Ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

²Tính đến ngày 24 tháng 8 năm 2023, có 11/26 cơ quan đã thực hiện chế độ báo cáo. Trong đó, có 03/06 cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh đã thực hiện chế độ báo cáo (Cục Hải quan, Kho bạc nhà nước tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh), 08/20 các sở, ban, ngành tỉnh (Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh).

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Đề nghị Văn phòng Chính phủ kiến nghị Bộ, ngành liên quan sớm rà soát, điều chỉnh các quy định thay thế việc lưu trữ hồ sơ giấy sang lưu trữ hồ sơ điện tử để tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Văn phòng Chính phủ xem xét, tổng hợp theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- VNPT Bình Định, Bưu điện tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục 1
THỐNG KÊ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG TỈNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyến, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
I	Cấp tỉnh			
1	Sở Du lịch	13	13	100
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	202	202	100
3	Sở Khoa học và Công nghệ	2	2	100
4	Sở Ngoại vụ	4	4	100
5	Sở Thông tin và Truyền thông	17	17	100
6	Sở Tài chính	6	6	100
7	Sở Tư pháp	895	895	100
8	Sở Văn hóa và Thể thao	33	33	100
9	Sở Y tế	171	171	100
10	Sở Công Thương	2.416	2.383	98,63
11	Sở Nội vụ	28	27	96,43
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	27	24	88,89
13	Sở Xây dựng	184	105	57,07
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	434	245	56,45
15	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	41	21	51,22
16	Sở Lao Động -Thương binh và Xã hội	65	27	41,54
17	Sở Giao thông vận tải	1162	249	21,43
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.391	73	5,25
19	Ban Dân tộc tỉnh	-	-	-
II	Cấp huyện			
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	4.253	2.600	61,13
2	UBND huyện Phù Mỹ	3.610	1.985	54,99
3	UBND thị xã An Nhơn	3.014	1.461	48,47
4	UBND TP. Quy Nhơn	5.074	2.414	47,58
5	UBND huyện Tuy Phước	3.833	1.373	35,82
6	UBND huyện Hoài Ân	1.316	452	34,35
7	UBND huyện Vân Canh	847	273	32,23
8	UBND huyện Tây Sơn	3.738	1.146	30,66
9	UBND huyện Vĩnh Thạnh	898	254	28,29
10	UBND huyện Phù Cát	4.490	1.059	23,59
11	UBND huyện An Lão	1.525	180	11,8

Ghi chú: Số liệu tính từ ngày 26/7/2023 đến ngày 22/8/2023./.

Phụ lục 2
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG BẢN SAO CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ TỪ BẢN
CHÍNH TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị	Số liệu tính từ ngày 26/7/2023 đến 22/8/2023		Số liệu tính từ ngày 26/6/2023 đến 25/7/2023	
		Số lượng hoàn thành (Đơn vị tính: bản sao)	Tổng số	Số lượng hoàn thành (Đơn vị tính: bản sao)	Tổng số
1	UBND huyện Hoài Ân	141	149	71	76
2	UBND TP.Quy Nhơn	5.620	5.935	4.680	4.796
3	UBND huyện Tây Sơn	621	665	430	433
4	UBND thị xã Hoài Nhơn	1.006	1.014	1.176	1.190
5	UBND huyện An Lão	195	197	15	16
6	UBND huyện Vĩnh Thạnh	20	26	0	2
7	UBND huyện Phù Mỹ	655	698	1.215	1.222
8	UBND huyện Vân Canh	400	441	754	755
9	UBND thị xã An Nhơn	47	47	47	47
10	UBND huyện Tuy Phước	864	941	992	994
11	UBND huyện Phù Cát	211	229	192	192
TỔNG CỘNG:		9.780	10.342	9.572	9.723

Ghi chú: Tổng số bao gồm hồ sơ hoàn thành, hồ sơ bị hủy và hồ sơ chờ đóng dấu để trả kết quả./.

Phụ lục 3
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH THANH TOÁN
TRỰC TUYẾN PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
1	Sở Du lịch	13	13	100
2	Sở Khoa học và Công nghệ	1	1	100
3	Sở Thông tin và Truyền thông	11	11	100
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4	4	100
5	Sở Giao thông vận tải	1078	1078	100
6	Sở Văn hóa và Thể thao	3	3	100
7	Sở Y tế	234	235	99,57
8	Sở Tư pháp	942	965	97,62
9	Sở Xây dựng	129	138	93,48
10	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	11	12	91,67
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	1087	1187	91,58
12	Sở Công Thương	17	20	85
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	390	469	83,16
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	3	66,67
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	-	-	-
16	Ban Dân tộc tỉnh	-	-	-
17	Sở Nội vụ	-	-	-
18	Sở Ngoại vụ	-	-	-
19	Thanh tra tỉnh	-	-	-
20	Sở Tài chính	-	-	-
	Tổng số 1	3922	4139	94,75
STT	Đơn vị cấp huyện	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
1	UBND huyện An Lão	179	180	99,44
2	UBND thị xã An Nhơn	962	970	99,18
3	UBND huyện Vân Canh	160	167	95,81
4	UBND huyện Tây Sơn	833	900	92,56
5	UBND thị xã Hoài Nhơn	1276	1390	91,8
6	UBND huyện Phù Mỹ	733	836	87,68
7	UBND TP. Quy Nhơn	1487	1792	82,98
8	UBND huyện Phù Cát	910	1179	77,18
9	UBND huyện Hoài Ân	211	288	73,26
10	UBND huyện Tuy Phước	461	1043	44,2

11	UBND huyện Vĩnh Thạnh	51	161	31,68
	Tổng số 2	7263	8906	81,55
STT	Các xã, phường, thị trấn của cấp huyện	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
1	UBND thị xã An Nhơn	729	729	100
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	1592	1592	100
3	UBND huyện Tuy Phước	1552	1555	99,8
4	UBND TP. Quy Nhơn	1806	1813	99,61
5	UBND huyện Vân Canh	439	441	99,54
6	UBND huyện Tây Sơn	2047	2115	96,78
7	UBND huyện Phù Mỹ	1126	1255	89,72
8	UBND huyện Phù Cát	2210	2486	88,89
9	UBND huyện Hoài Ân	480	587	81,77
10	UBND huyện Vĩnh Thạnh	406	575	70,6
11	UBND huyện An Lão	100	155	64,52
	Tổng số 3	12487	13303	93,87
	Tổng số 1+2+3	23672	26348	89,84

Ghi chú: Số liệu tính từ ngày 26/7/2023 đến ngày 22/8/2023 (thống kê theo ngày thanh toán)/.